TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28/7/2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- ***Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Cầm Văn Thăm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hờ Lao Cang, bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Viên – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Thiều - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2020 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/DSST-QĐ ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Sồng Thị X, địa chỉ Bản Trò A, xã Tà Xùa, huyện B, tỉnh Sơn La (có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Cầm Trọng Thủy, trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sơn La (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Thào A S địa chỉ Bản Trò A, xã Tà Xùa, huyện B, tỉnh Sơn La (có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Trần Minh Huấn, Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Sơn La (có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi liên quan gồm:

- Bà Mùa Thị Sông, địa chỉ Bản Trò A, xã Tà Xùa, huyện B, tỉnh Sơn La (có mặt).

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B do Hoàng Quốc Cường, chức vụ phó giám đốc đại diện (có mặt).

- Ngân hàng Bưu điện Liên Việt chi nhánh Sơn La do ông Đỗ Văn Toản, chuyên viên đại diện (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai chị Sồng Thị X trình bày: Tôi kết hôn với anh Thào A S ngày 18/2/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng

ký tại UBND xã Tà Xùa, huyện B, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống hạnh phúc được 04 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng hay chửi bới và ghen tuông, khi nhắc nhở không nghe, dẫn đến vợ chồng ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn.

- Về con chung: có 02 cháu là Thào Việt Dũng, sinh 18/6/2010 và cháu Thào Thị Mỉ Sinh, sinh ngày 07/4/2012 chị nhận nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh Thào A Sáy cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000đ /tháng.

-Tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà gỗ 5 gian lập Plô xi măng nằm trên diện tích đất khoảng 200m2 và 5 con bò. Tổng trị giá tài sản 150.000.000đ, yêu cầu chia đôi, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

-Nợ chung: Nợ ngân hàng Bưu Điện Liên Việt chi nhánh Sơn La số tiền: 120.000.000đ chị nhận trả và nợ Ngân hàng nông nghiệp huyện B số tiền 150.000.000đ chị yêu cầu anh Sáy phải trả và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung nội dung gì thêm.

+ Bị đơn là anh Thào A S trình bày: xác nhận lời trình bày của chị X nêu trong đơn khởi kiện ghi ngày 9/3/2020 là đúng, nhưng không nhất trí ly hôn và xin được đoàn tụ, nếu chị Sồng Thị X cương quyết ly hôn thì anh nhận nuôi cả hai cháu và yêu cầu cấp dưỡng hàng tháng 2.000.000đ cho mỗi cháu. Về tài sản không đồng ý chia cho chị X. Về công nợ giao cho chị Sồng Thị X trả ngân hàng Liên Việt và anh nhận trả cho ngân hàng nông nghiệp huyện B. Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

+ Người có QLLQ là ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B yêu cầu anh Thào A S phải có trách nhiệm trả tính đến ngày 28/7/2020 là: 103.100.000đ, ngoài ra không ý kiến gì thêm.

+ Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt yêu cầu chị Sồng Thị X phải có trách nhiện trả nợ tính đến ngày 27/7/2020 là 51.858.200đ trong đó: gốc 42.158.145đ, nợ lãi 4.689.583đ và phạt quá hạn 5.010.472 đ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện có ý kiến phát biểu trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện và đưa ra xét xử hoàn toàn đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự quy định và đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 55, 57, 59, 61, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự như sau:

+ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Sồng Thị X và anh Thào A S

+ Về con chung: chị X nuôi cháu Thào Thị Mỉ Sinh, sinh 07/4/2012 và anh S nuôi cháu Thào Việt Dũng, sinh 18/6/2010, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung,

+ Về tài sản chung: anh S và bà mùa Thị Sông được sở hữu 01 ngôi nhà gỗ 5 gian thưng ván lâp Pờ lô xi măng nằm trên diện tích đất khoảng 200m2. Anh S có trách nhiệm thanh toán tiền giá trị tài sản được hưởng cho chị X số tiền 20.000.000đ đồng.

- Về nghĩa vụ trả nợ và tài sản là diện tích đất đai: áp dụng Điều 466 của BLDS, Điều 203 Luật đất đai năm 2013: Đề nghị chia đôi số nợ tại 02 ngân hàng

trong đó ngân hàng Liên Việt là 51.858.200đ và ngân hàng nông nghiệp và phát triển huyện B là 103.100.000đ. Về diện tích đất chia ba phần. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Toà án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các bên đương sự. Hoàn trả lại cho chị Sồng Thị Xua số tiền 3.750.000đ tiền tạm ứng đã nộp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đưa ra quan điểm, cần tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự đã được Tòa tiến hành trong các đợt hòa giải, tuy nhiên về công nợ mong tòa xem xét xem xét trách nhiệm trả nợ sao cho phù hợp với quyền lợi mà các bên được hưởng. Về án phí DSST các bên đương sự đều sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, được hưởng chế độ chính sách nhà nước quy định, cần xem xét miễn toàn bộ án phí cho các bên đương sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị không chia phần diện tích đất cho vợ chồng chị Xua, anh Sáy vì đây là diện tích đất có trước khi chị Xua anh Sáy chưa đăng ký kết hôn, riêng khoản nợ đề nghị chia đôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy:

[-] Về tố tụng: nguyên đơn chị Sồng Thị X xin ly hôn anh Thào A S, có địa chỉ tại Bản Trò A, xã Tà Xùa, huyện B, tỉnh Sơn La, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B giải quyết, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS.

[-] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sồng Thị X và anh Thào A S kết hôn với nhau ngày 18/2/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Tà Xùa, huyện B, tỉnh Sơn La là hoàn toàn đúng pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc và sau đó sảy ra mâu thuẫn, năm 2019 vợ chồng sống ly thân, ngày 10/3/2020 chị Xua khởi kiện ra Tòa án xin ly hôn, sau khi thụ lý đơn khởi kiện đúng vào dịp do đại dịch Covid-19 bùng phát trên diện rộng, nên đến ngày 22/5/2020 Tòa tiến hành hòa giải, các bên đương sự đã thật sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau cụ thể là:

-Về tình cảm: anh Thào A S và chị Sồng Thị X nhất trí thuận tình ly hôn,

- Con chung: Chị Sồng Thị X, trực tiếp nuôi cháu Thào Thị Mỉ Sinh, sinh 17/4/2012; anh Thào A S, trực tiếp nuôi cháu Sồng Việt Dũng, sinh 18/6/2010 Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng tài sản là 01 ngôi nhà và khoản nợ chung cả hai bên không thống nhất được với nhau và yêu cầu Tòa xem xét giải quyết. Qua xem xét nội dung mà hai đương sự chưa thống nhất được, ngày 11/6/2020 Tòa án tiến hành hòa giải lần 3 các bên đương sự tiếp tục thống nhất được với nhau về phân chia tài sản chung là 01 ngôi nhà cụ thể là:

- Giao 01 ngôi nhà gỗ 05 gian, thưng ván lập prô xi măng, nằm trên diện tích khoảng 200m2 giao cho anh Thào A S và bà Mùa Thị Sông (hai mẹ con) được sở hữu,

- Anh Thào A S có trách nhiệm thanh toán tiền giá trị tài sản được hưởng cho chị Sồng Thị X số tiền 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng).*

- Tài sản là 05 con bò quá trình Tòa án đang giải quyết thì hai bên đương sự đã tự thỏa thuận chia nhau, Tòa cần ghi nhận mà không xem xét giải quyết.

[-] Riêng khoản nợ ngân hàng Liên Việt, chị Xua nhận trả và giao cho anh Sáy trả ngân hàng nông nghiệp, nhưng anh Sáy không đồng ý mà yêu cầu chia đôi trên cả hai khoản nợ vay, nên đến 17/6/2020 chị Sồng Thị Xua có đơn bổ sung yêu cầu nội dung khởi kiện đó là yêu cầu Toà án xem xét diện tích đất trồng trọt là 9.604,5m2 đã được UBND huyện B cấp ngày 24/5/2017 để chia nhau trước khi ly hôn. Ngày 02/7/2020 Tòa án tiến hành xác minh cụ thể xác định được tại thửa số 16, tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ Bản Trò xã Tà Xùa có diện tích là 869m2 trong đó đất ở 400m2 và đất trồng cây lâu năm 469,5m2 ghi trong giấy CNQSDĐ số CI 350945 cấp ngày 24/5/2017 và tại tờ bản đố số 22, thửa số 14 địa chỉ đất tại khu Làng Sáng diện tích 4.236,0m2; thửa số 77 địa chỉ đất Khu Tu Lu diện tích 5.368,5m2 ghi trong giấy CNQSDĐ có số CI 350496, đây là số diện tích đất có trước khi anh Sáy chưa kết hôn với chị Xua và chỉ khi đến năm 2017 huyện có chủ trương cấp giấy CNQSDĐ cho các hộ dân, nên chị Xua, anh Say chỉ là người đứng tên trên sổ đỏ, do vậy khi vợ chồng ly hôn Tòa cần xem xét đến nguồn gốc DT đất trên, tại phiên tòa chị Sồng Thị Xua có ý kiến giao cho anh Sáy và bà Sông toàn bộ số diện tích đất trên, vì chị không có nhu cầu và điều kiện sử dụng (thực tế DT đất không trồng gì) đồng thời anh Sáy phải có trách nhiệm trả số tiền nợ cho ngân hàng nông nghiệp. Do đó cần giao toàn bộ DT đất được cấp ghi trong giấy CNQSDĐ cho bà Mùa Thị Sông và anh Thào A S (là mẹ con) tiếp tục được sử dụng, nhưng anh Thào A S phải chịu trách nhiệm trả nợ nhiều hơn chị Sồng Thị X, có như vậy mới đảm bảo đúng nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

[-] Về trách nhiệm trả nợ vay HĐXX thấy rằng:

- Đối với khoản nợ vay ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt chi nhánh Sơn La, do chị Sồng Thị X đứng tên vay để sử dụng chung và cam kết việc trả nợ hàng tháng khi đến kỳ, quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền chị X đã trả được gốc và lãi hơn bảy mươi triệu đồng, số nợ còn lại tính đến ngày 27/7/2020 là 51.858.200đ trong đó tiền gốc là 42.158.145đ, nợ lãi là 4.689.583đ và phạt quá hạn là 5.010.472 đ (theo thông báo số 235/TB-LPB-SLA ngày 27/7/2020 của ngân hàng Liên Việt), cần giao cho chị X có trách nhiệm trả nợ là phù hợp với việc cam kết thực hiện hợp đồng vay tiền và phù hợp với ý kiến đề nghị trả nợ của bên cho vay.

- Đối với khoản nợ vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B, anh Sáy là người đứng tên vay về để sử dụng chung, theo hợp đồng số: 11.8877/HĐTD ký ngày 10/7/2018 để vay 150.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng anh Sáy đã trả được hơn bốn mươi triệu gốc và lãi phát sinh, số nợ còn lại tính đến ngày 28/7/2020 là: 103.100.000đ, do anh Sáy được hưởng tài sản nhiều hơn chị Xua (là toàn bộ diện tích đất đai) nên cần giao cho anh Sáy có trách nhiệm trả nợ nhiều hơn, một mặt là phù hợp với việc cam kết thực hiện hợp đồng vay tiền giữa anh Sáy với ngân hàng và bản tự khai của anh Sáy nhận trả cho ngân

hàng nông nghiệp ngày 18+19/3/2020 (BL số 43, 47) và phù hợp với ý kiến đề nghị trả nợ của bên cho vay.

- Tại phiên Tòa người có QLLQ là ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn có ý kiến và yêu cầu anh Thào A S phải có trách nhiệm trả nợ số tiền còn nợ khi đến kỳ trả, ngoài ra không ý kiến gì thêm.

[-] Về án phí: các bên đương sự là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, thuộc diện được hưởng chế độ chính sách của nhà nước theo quy định chung của pháp luật, nên cần miễn toàn bộ phần án phí cho cả hai bên đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 57, 59, 61, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Sồng Thị X và anh Thào A S (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01 ngày 28/10/2019 của UBND xã Tà Xùa).

2. Con chung:

- Chị Sồng Thị X, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thào Thị Mỉ Sinh, sinh ngày 7/4/2012 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi,

- Anh Thào A S, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thào Việt Dũng, sinh ngày 18/6/2010 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Anh Thào A S và bà Mùa Thị Sông được sở hữu 01 ngôi nhà gỗ 05 gian, thưng ván, lập Prôximăng, nằm trên diện tích 400m2 theo giấy CNQSDĐ do UBND huyện B cấp ngày 24/5/2017.

- Anh Thào A S có trách nhiệm thanh toán tiền tài sản được hưởng cho chị Sồng Thị X số tiền 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng).*Thời hạn trả tính từ ngày bản án có hiệu lực thi hành.

4. Căn cứ Điều 466 của BLDS, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình:

+ Buộc chị Sồng Thị X phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt chi nhánh Sơn La số tiền 51.858.200đ *(năm mươi mốt triệu,tám trăm, năm mươi tám ngàn hai trăm đồng)* và lãi suất phát sinh, khi đến kỳ trả nợ.

+ Buộc anh Thào A S phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện B số tiền 103.100.000đ (một trăm linh ba triệu, một trăm nghìn đồng) và lãi suất phát sinh khi đến kỳ trả nợ.

+ Giao cho Bà Mùa Thị Sông và anh Thào A S được sử dụng toàn bộ diện tích đất đã được UBND huyện B, tỉnh Sơn La cấp ngày 24/5/2017 theo giấy CNQSDĐ số CI 350495 là 869,2m2 và số CI 350496 là 9.604,5m2.

5. Án phí dân sự sơ thẩm*:* Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Toà án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các bên đương sự. Hoàn trả lại cho chị Sồng Thị X số tiền 3.750.000đ (*Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0002471 ngày 10/3/2020 của Chi Cục THADS huyện B, tỉnh Sơn La.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 272 và Điều 273 BLTTDS, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bên đương sự, người có QLLQ, người bảo vệ quyền lợi ích có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Sơn La;
- VKS huyện B;
- Các đương sự;
- Người có QLLQ
- Chi cục THADS huyện B;
-Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cầm Văn Thăm